

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đức Dũng**;
2. Bà **Lại Thị Thúy Hằng**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Sơn**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Lý Thị Th, sinh năm: 1989

HKTT và nơi cư trú: ấp 3, xã S N, huyện C M, tỉnh Đ N.

- *Bị đơn*: anh Hà Thỉnh G, sinh năm: 1984

HKTT và nơi cư trú: ấp 3, xã S N, huyện C M, tỉnh Đ N.

(Anh G vắng mặt không có lý do; chị Th vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lý Thị Th trình bày:

Chị và anh Hà Thỉnh G qua quá trình tự nguyện tìm hiểu đến năm 2010 thì tự nguyện chung sống với nhau, đến ngày 18/3/2011 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã S N, huyện C M, tỉnh Đ N. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung cùng gia đình anh G tại ấp 3 xã S N. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu

thuần, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm từ những vấn đề về cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, khi vợ chồng làm ăn kinh tế khá giả thì anh G bắt đầu phát sinh chơi bài bạc, dẫn đến tiêu tán hết tài sản gia đình. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, anh G thường bỏ bê gia đình đi ra ngoài đến tối mới về, không rõ đi đâu, từ đó mọi việc sinh hoạt trong gia đình và chăm lo cho con cái đều do một mình chị tự lo lấy, dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng, cũng do vợ chồng mâu thuẫn nên cũng từ năm 2020 thì anh chị đã sống ly thân. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ lâu nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Thỉnh G.

Về con chung: Anh chị có 03 người con chung là cháu Hà Anh T, sinh ngày 12/6/2011, cháu Hà Anh T1 sinh ngày 08/02/2013 và cháu Hà Gia B, sinh ngày 14/5/2018, hiện tại các cháu đang ở cùng với chị, nay chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu là Hà Anh T, Hà Anh T1 và Hà Gia B và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Hà Thỉnh G đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết: áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Th và anh G ly hôn; về con chung: giao các cháu Hà Anh T1, sinh ngày 12/6/2011, cháu Hà Anh T sinh ngày 08/02/2013 và cháu Hà Gia B, sinh ngày 14/5/2018 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh G không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lý Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với anh Hà Thính G. Anh G có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp 3, xã S N, huyện C M, tỉnh Đ N. Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với anh Hà Thính G nhưng anh G vắng mặt không có lý do, chị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Th và anh Hà Thính G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S N, huyện C M, tỉnh Đ N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 18/3/2011 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, theo chị Th thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày dẫn đến vợ chồng cãi nhau, anh G ham mê cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, từ năm 2020 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hà Thính G.

Qua quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ:

Tại Biên bản xác minh ngày 28/4/2021 tại Công an xã S N, huyện C M, tỉnh Đ N xác định, anh Giểng và chị Th kết hôn với nhau từ năm 2010 và chung sống tại nhà mẹ chồng là bà Hà Thị M tại ấp 3, xã S N, trong cuộc sống chung vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về kinh tế gia đình và hiện vợ chồng đã sống ly thân. Như vậy, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Anh Hà Thính G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, hòa giải, xét xử, nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày, chứng tỏ anh G không muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Th là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

3.2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Lý Thị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là cháu Hà Anh T, sinh ngày 12/6/2011, cháu Hà Anh T1 sinh ngày 08/02/2013 và cháu Hà Gia B, sinh ngày

14/5/2018 và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Đây là yêu cầu tự nguyện của chị Th, đồng thời cháu T và cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị Th, riêng cháu B còn nhỏ nên cần sự chăm sóc từ người mẹ. Bản thân chị Th cũng có việc làm và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Anh G cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh G không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai về vấn đề này. Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị Th.

3.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh G không có lời khai về việc này, nên không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Do chị Lý Thị Th là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 85; khoản 1 Điều 89, Điều 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Th được ly hôn với anh Hà Thính G.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Hà Anh T, sinh ngày 12/6/2011, cháu Hà Anh T1 sinh ngày 08/02/2013 và cháu Hà Gia B, sinh ngày 14/5/2018 cho chị Lý Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Tạm thời anh Hà Thính G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh G được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lý Thị Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Th đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 0009298 ngày 09 tháng

4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chi Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã S N, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trương Thị Thùy Trang